

DANH MỤC KIỂM TRA



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
XÃ HỘI VÀ GIỚI TRONG BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



8/2021

Mục Lục

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I – GIỚI THIỆU CHUNG	5
1. Mục đích xây dựng tài liệu	5
2. Phương pháp xây dựng tài liệu	6
3. Hướng dẫn sử dụng tài liệu	6
PHẦN II – DANH MỤC KIỂM TRA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH, TRỌNG TÂM VÀO CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ GIỚI.....	8
CÂU HỎI 1: ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HAY DỰ THẢO VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?	9
CÂU HỎI 2: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NHẬN DIỆN ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?	11
CÂU HỎI 3: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN TỚI CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?	12
CÂU HỎI 4: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?	13
CÂU HỎI 5: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?	14
CÂU HỎI 6: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI LÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?	15
CÂU HỎI 7: TRONG MỖI CHÍNH SÁCH, BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ GIẢI PHÁP GIỮ NGUYÊN HIỆN TRẠNG HAY KHÔNG?	16
CÂU HỎI 8: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHÙ HỢP VỚI MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?...17	17
CÂU HỎI 9: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH CỦA TỪNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?	18
CÂU HỎI 10: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ SO SÁNH TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH GIỮA CÁC GIẢI PHÁP KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?	19
CÂU HỎI 11: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC KIẾN NGHỊ LỰA CHỌN TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHẢI LÀ CÁC GIẢI PHÁP TỐI ƯU ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?	20
CÂU HỎI 12: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH?21	21

CÂU HỎI 13: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG HAY KHÔNG?	22
CÂU HỎI 14: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH HAY KHÔNG?	23
CÂU HỎI 15: THÔNG TIN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ CHÍNH XÁC, TRUNG THỰC HAY KHÔNG?	24
CÂU HỎI 16: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TRÍCH DẪN ĐẦY ĐỦ CÁC NGUỒN THÔNG TIN?	25
CÂU HỎI 17: ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HAY DỰ THẢO VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?	26
CÂU HỎI 18: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NỘI DUNG VỀ VIỆC DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS ĐÃ ĐƯỢC LẤY Ý KIẾN THAM VẤN CHƯA?	27
CÂU HỎI 19: PHƯƠNG PHÁP LẤY Ý KIẾN, PHẢN HỒI, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐƯỢC MÔ TẢ CÓ PHÙ HỢP HAY KHÔNG?	28
CÂU HỎI 20: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TUÂN THỦ THEO MẪU BÁO CÁO ĐGTĐCS THEO QUY ĐỊNH HAY KHÔNG?	29
PHỤ LỤC I – BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH	32
PHỤ LỤC II – CĂN CỨ XÂY DỰNG DANH MỤC KIỂM TRA	34
PHỤ LỤC III – DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỀ THAM KHẢO	35

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
ĐGTĐ	Đánh giá tác động
ĐGTĐCS	Đánh giá tác động của chính sách
GIZ	Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức
Luật BHVBQPPL	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020
TTHC	Thủ tục hành chính
VBPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

PHẦN I – GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mục đích xây dựng tài liệu

Đánh giá tác động về xã hội và giới là 02 trong số 05 khía cạnh đánh giá tác động của chính sách (ĐGTĐCS) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật BHVBQPPL) và các văn bản hướng dẫn. Thực tiễn xây dựng chính sách và quy phạm pháp luật cho thấy quy trình ĐGTĐCS về xã hội và giới còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong việc xác định các đối tượng chịu tác động và các vấn đề xã hội chịu tác động bởi chính sách. Ngoài ra cũng chưa có các tiêu chuẩn cụ thể để xác định thế nào là một Báo cáo ĐGTĐCS tốt, đặc biệt nhìn từ khía cạnh ĐGTĐ xã hội và giới. Gần đây, Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) trong việc biên soạn và phát hành cuốn *Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới* (gọi tắt là *Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới*). Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới là một tài liệu hướng dẫn chung cho các bộ, ngành và những đối tượng khác quan tâm đến ĐGTĐ xã hội và giới.

Để tạo thuận lợi hơn cho việc áp dụng cuốn Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới trong quy trình ĐGTĐCS, GIZ thông qua Dự án “Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam” (2016-2021) đã tiếp tục hỗ trợ Bộ LĐTBXH trong việc xây dựng *Danh mục tham chiếu phục vụ cho quy trình đánh giá tác động xã hội và giới của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*, bao gồm 02 loại danh mục tham chiếu: (i) Danh mục các đối tượng thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH (gọi tắt là *Danh mục đối tượng chịu tác động*); và (ii) Danh mục các vấn đề xã hội và giới thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH (gọi tắt là *Danh mục vấn đề xã hội và giới*). Những danh mục này là công cụ quan trọng trong quy trình ĐGTĐ xã hội và/hoặc giới đối với chính sách. Bên cạnh đó, GIZ cũng tiếp tục hỗ trợ Bộ LĐTBXH trong việc xây dựng *Danh mục kiểm tra nội dung đánh giá tác động xã hội và giới trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách*¹. Danh mục kiểm tra này là một công cụ giúp cho các cán bộ pháp chế thuộc Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH trong việc xem xét và đánh giá chất lượng của các Báo cáo ĐGTĐCS (trọng tâm vào các nội dung ĐGTĐ xã hội và giới) do các đơn vị khác thuộc Bộ LĐTBXH hoặc các bộ, ngành khác xây dựng.

¹ Nhóm tác giả của Tài liệu này gồm: Nguyễn Hưng Quang và Nguyễn Thị Ngọc Thanh. Các tác giả cũng cảm ơn các cán bộ của Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH, Dự án “Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam” (2016-2021) của GIZ và các luật sư Nguyễn Thủy Dương, Lê Mai Phương, Lê Hải Linh, Đặng Huyền Thu của VPLS NHQuang&Công sự đã tham gia vào quá trình biên soạn tài liệu.

2. Phương pháp xây dựng tài liệu

Danh mục kiểm tra nội dung đánh giá tác động xã hội và giới trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Danh mục kiểm tra) được xây dựng trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về yêu cầu ĐGTĐCS từ giai đoạn bắt đầu xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS đến khi hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS sau tham vấn, nếu có. Trọng tâm của Danh mục kiểm tra này là các nội dung có liên quan đến ĐGTĐ xã hội và giới, mà không bao gồm các câu hỏi kiểm tra đặc thù với các nội dung ĐGTĐ khác (kinh tế, TTHC và hệ thống pháp luật).

Các câu hỏi được đưa ra trong Danh mục kiểm tra đều có cơ sở pháp lý rõ ràng, bao gồm các quy định liên quan tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định 34/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Nghị định 154/2020/NĐ-CP) (xem Phụ lục II kèm theo), đặc biệt là mẫu Báo cáo ĐGTĐCS được quy định tại Mẫu số 01 – Phụ lục V của Nghị định 154/2020/NĐ-CP (gọi tắt là “Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS”). Các nội dung kiểm tra chất lượng của Báo cáo ĐGTĐCS (trọng tâm vào chất lượng ĐGTĐ xã hội về giới) được đặt ra trong Danh mục kiểm tra này là các tiêu chuẩn tối thiểu để đảm bảo sự phù hợp của các Báo cáo ĐGTĐCS với quy định pháp luật hiện hành, từ đó đảm bảo được chất lượng về nội dung và hình thức của Báo cáo ĐGTĐCS theo yêu cầu luật định. Danh mục kiểm tra này cũng cần được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo sự thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan trong tương lai, nếu phát sinh.

Danh mục kiểm tra có tham chiếu đến một số tài liệu hướng dẫn ĐGTĐ, bao gồm Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới của Bộ LĐTBXH, Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách của Bộ Tư pháp (gọi tắt là Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS) (xem Phụ lục III), Danh mục đối tượng chịu tác động và Danh mục vấn đề xã hội và giới trong Danh mục tham chiếu phục vụ cho quy trình đánh giá tác động xã hội và giới của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Các tài liệu này rất có ý nghĩa trong việc đưa ra các gợi ý, hướng dẫn cho người sử dụng Danh mục kiểm tra để trả lời các câu hỏi có trong Danh mục. Việc tham chiếu này giúp cho nội dung của Danh mục kiểm tra đi vào trọng tâm và việc sử dụng một cách có hệ thống các tài liệu liên quan đến công tác ĐGTĐ.

3. Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Danh mục kiểm tra bao gồm 20 câu hỏi ở dạng câu hỏi đóng, được đánh số và trình bày ở định dạng VIẾT HOA và **IN ĐẬM**. Người sử dụng Danh mục kiểm tra trả lời lần lượt các câu hỏi chính bằng cách tích vào các phương án “Có” / “Không” / “Chưa” / “Tương đối” / “Đạt yêu cầu”... Để hiểu rõ về nội hàm của câu hỏi và chắc chắn hơn

trong việc kết luận lựa chọn phương án, người sử dụng nên đọc phần Cơ sở pháp lý và Gợi ý dưới mỗi câu hỏi.

Các câu hỏi khi được yêu cầu phải lưu ý tới *“khía cạnh xã hội và giới”* thì cần chú ý:

- Khía cạnh xã hội theo hướng dẫn tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP) bao gồm 13 khía cạnh tác động chính, bao gồm: (i) Dân số; (ii) Việc làm; (iii) Tài sản; (iv) Sức khỏe; (v) Môi trường; (vi) Y tế; (vii) Giáo dục; (viii) Di lại; (ix) Giảm nghèo; (x) Giá trị văn hoá truyền thống; (xi) Gắn kết cộng đồng xã hội; (xii) Chính sách dân tộc; (xiii) Các vấn đề khác. Nội hàm của 13 khía cạnh tác động xã hội rất đa dạng, có sự khác biệt giữa các lĩnh vực quản lý nhà nước, bao gồm cả các lĩnh vực do cùng một Bộ, ngành quản lý.
- Khía cạnh giới được đánh giá *lồng ghép* trong quá trình ĐGTĐ nói chung và ĐGTĐ về xã hội nói riêng. Với mỗi đối tượng chịu tác động là cá nhân thì cần xác định nhóm nam và nhóm nữ vì mỗi nhóm có thể có sự tác động khác nhau từ chính sách. Đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp là pháp nhân thì cần chú ý tới đối tượng chịu tác động gián tiếp từ chính sách là các cá nhân, ví dụ: chính sách áp dụng cho doanh nghiệp thì có ưu tiên cho ưu tiên cho doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hay không. Đối với mỗi chỉ tiêu xã hội được xác định là có tác động, cần thiết phải đánh giá chỉ tiêu đó ở khía cạnh giới để xem xét chỉ tiêu đó có tạo ra sự tác động về giới hay không - trên cơ sở phân tích, dự báo tác động xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới (*xem thêm Danh mục tham chiếu phục vụ cho đánh giá tác động xã hội và giới*).

Trong đa số trường hợp, Danh mục kiểm tra sẽ yêu cầu người sử dụng giải thích rõ lý do nếu lựa chọn phương án trả lời là *“Không”* / *“Chưa”* / *“Tương đối”* hoặc tương đương. Điều này là bởi các câu hỏi kiểm tra trong Danh mục kiểm tra hầu hết đều là các tiêu chuẩn bắt buộc và tối thiểu được áp dụng đối với các Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định pháp luật hiện hành. Khi một câu hỏi được trả lời là *“Không”* / *“Chưa”* / *“Tương đối”* hoặc tương đương thì có khả năng đồng nghĩa với việc Báo cáo ĐGTĐCS chưa đáp ứng được một tiêu chuẩn nhất định. Do đó, người sử dụng cần chỉ rõ lý do để đảm bảo việc lựa chọn các phương án trên là có căn cứ.

Sau khi hoàn thành Danh mục kiểm tra, người sử dụng tổng hợp tất cả các vấn đề tồn tại của Báo cáo ĐGTĐCS, đưa ra đề xuất và khuyến nghị cho đơn vị phụ trách ĐGTĐCS nhằm hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS.

PHẦN II – DANH MỤC KIỂM TRA

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
CỦA CHÍNH SÁCH, TRỌNG TÂM
VÀO CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ GIỚI













STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
1.	CÂU HỎI 1: ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HAY DỰ THẢO VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CÓ ☐ KHÔNG ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Theo quy định hiện hành, có 02 nhóm VBQPPL phải ĐGTĐCS, cụ thể như sau: A. Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị², bao gồm: 1. Luật. 2. Pháp lệnh. 3. Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật BHVBQPPL. <i>Chi tiết: Nghị quyết về việc thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành.</i> 4. Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật BHVBQPPL. <i>Chi tiết: Nghị quyết về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.</i> 5. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật BHVBQPPL. <i>Chi tiết: Nghị quyết về việc tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội.</i> 6. Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật BHVBQPPL. <i>Chi tiết: Nghị định quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</i> 7. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật BHVBQPPL.

² Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 4; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 2

Chi tiết: Nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

B. Nhóm các VBQPPL phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo³, bao gồm:

1. Nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật BHVBQPPL.

Chi tiết: Nghị định quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

2. Nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật BHVBQPPL.

Chi tiết: Nghị định quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật BHVBQPPL.

Chi tiết: Quyết định quy định về (i) Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật BHVBQPPL.

Chi tiết: Nghị quyết quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

5. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật BHVBQPPL.

Chi tiết: Nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

³ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	6. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. <i>Ngoài ra còn có trường hợp đặc biệt⁴: Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách phải đánh giá tác động của chính sách mới. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đề xuất chính sách mới, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách mới đó.</i>
	Nếu CÓ, văn bản thuộc trường hợp cụ thể nào: [ghi rõ loại văn bản]
2.	CÂU HỎI 2: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NHẬN DIỆN ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 1, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định các vấn đề cần giải quyết là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung đầu tiên trong phần ĐGTĐCS là Xác định vấn đề bất cập (bao gồm cả mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả). <u>Gợi ý:</u> Vấn đề bất cập hay vấn đề thực tiễn cần giải quyết là một hiện trạng xã hội đã và đang xảy ra hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra có ảnh hưởng/tác động đến đời sống, hoạt động của một hoặc một số nhóm đối tượng trong xã hội, đến tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, một vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải được giải quyết bằng chính sách, pháp luật chỉ khi vấn đề đó có nội dung tác động và phạm vi tác động nhất định về thời gian, không gian cho các đối tượng chịu ảnh hưởng⁵. Cũng lưu ý thêm về việc xác định vấn đề giới hoặc khía cạnh giới của vấn đề thực tiễn cần giải quyết (nếu có). - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa nhận diện được bất kỳ vấn đề bất cập của bất kỳ chính sách nào.

⁴ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9

⁵ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 7

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	- “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có nhận diện được một số vấn đề bất cập của một số chính sách, trong đó có một số phân tích về vấn đề giới. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có nhận diện được đầy đủ các vấn đề bất cập của tất cả chính sách, trong đó có phân tích về vấn đề giới kỹ lưỡng, thấu đáo.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
3.	CÂU HỎI 3: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN TỚI CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 1, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định nguyên nhân của từng vấn đề cần giải quyết là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, phần phân tích nguyên nhân của vấn đề là một trong các nội dung của phần Xác định vấn đề bất cập. <u>Gợi ý:</u> Báo cáo phải phân tích, nhận diện được các nguyên nhân (trực tiếp và gián tiếp) gây ra hiện trạng (vấn đề) để phục vụ cho việc tìm kiếm giải pháp phù hợp khắc phục triệt để các nguyên nhân đó⁶. Việc nhận diện nguyên nhân phải đúng và đầy đủ với vấn đề bất cập để có thể xây dựng được chính sách, biện pháp giải quyết vấn đề phù hợp. Một vấn đề bất cập phải có tối thiểu một nguyên nhân tạo nên và có thể có nhiều nguyên nhân cho một vấn đề bất cập. Việc xác định nguyên nhân đòi hỏi phải có những thông tin, bằng chứng (số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia...) để chứng minh, luận giải về mối quan hệ nhân – quả giữa nguyên nhân và vấn đề bất cập⁷.

⁶ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8

⁷ Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới, trang 27

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<i>Trong quá trình xác định nguyên nhân, cần lưu ý tới các nguyên nhân có thể nảy sinh từ vấn đề giới hoặc khía cạnh giới.</i> - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa xác định được nguyên nhân của bất kỳ vấn đề bất cập của bất kỳ chính sách nào. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được nguyên nhân của một số vấn đề bất cập của một số chính sách, trong đó có một số phân tích về vấn đề giới. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ có xác định được đầy đủ nguyên nhân của tất cả các vấn đề bất cập của tất cả chính sách, trong đó có phân tích về vấn đề giới kỹ lưỡng, thấu đáo.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
4.	CÂU HỎI 4: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 2, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung thứ hai trong phần ĐGTĐCS là Mục tiêu giải quyết vấn đề. <u>Gợi ý:</u> Mục tiêu của chính sách là kết quả mong đợi đạt được sau khi áp dụng chính sách để giải quyết vấn đề của thực tiễn⁸, là mức độ giải quyết vấn đề bất cập xuất phát từ thực tiễn mà Nhà nước hướng tới trong thời gian trước mắt hoặc lâu dài (mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn) nhằm hạn chế, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với các đối tượng chịu tác động hoặc chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách

⁸ Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới, trang 28

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	pháp luật⁹. Một vấn đề có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân gây ra và có thể tác động tiêu cực đến các đối tượng trên các khía cạnh khác nhau như kinh tế, xã hội, môi trường... Do đó, mục tiêu chính sách trước tiên cần hướng tới giải quyết những nguyên nhân tác động tiêu cực chủ yếu cho các đối tượng¹⁰. Lưu ý, mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập cần phải chú ý tới các khía cạnh về giới phát sinh từ thực tiễn và/hoặc phát sinh từ việc thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề đó (nếu có). - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa xác định đúng mục tiêu giải quyết vấn đề của bất kỳ chính sách nào. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được một số mục tiêu giải quyết của một số chính sách, trong đó có một số phân tích về vấn đề giới. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được đầy đủ mục tiêu giải quyết của tất cả các chính sách, trong đó có phân tích về vấn đề giới kỹ lưỡng, thấu đáo.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
5.	CÂU HỎI 5: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 4, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách.

⁹ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8

¹⁰ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 8

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<u>Gợi ý:</u> Đối với các Báo cáo ĐGTĐ của Bộ LĐTBXH, có thể tham khảo Danh mục đối tượng chịu tác động (trong Danh mục Tham chiếu) phân theo 11 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH để có cái nhìn tổng quan về các đối tượng thường chịu tác động của chính sách trong 11 lĩnh vực này. Đối với Báo cáo ĐGTĐ của các Bộ, ngành khác, có thể tham khảo Danh mục đối tượng chịu tác động của Bộ, ngành đó (nếu có) hoặc các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực tương ứng (các quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng). - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa xác định đúng các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được một số đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác nhưng không toàn bộ. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
6.	CÂU HỎI 6: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI LÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> ĐGTĐ về xã hội và giới là 02 trong 05 khía cạnh ĐGTĐCS được quy định tại Điều 6, Nghị định 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, khoản 3, Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP). <u>Gợi ý:</u> Với Bộ LĐTBXH, có thể tham khảo Danh mục vấn đề xã hội và giới phân theo 11 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH để có cái nhìn tổng quan về các khía cạnh xã hội thường chịu tác động của chính sách trong 11 lĩnh vực này.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	Với các Bộ, ngành khác, có thể tham khảo Danh mục các vấn đề xã hội và giới của Bộ, ngành đó (nếu có) hoặc các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực tương ứng (tập trung vào các nguyên tắc, chính sách, mục tiêu phát triển của lĩnh vực đó). Cũng lưu ý rằng tác động về giới được lồng ghép trong đánh giá tác động về xã hội. Do đó, với các chỉ tiêu được xác định là có tác động về mặt xã hội thì cần cân nhắc tới khía cạnh tác động về giới của chỉ tiêu đó. Cụ thể, cần làm rõ chỉ tiêu đó có tác động khác biệt về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới hay không. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa xác định được tác động xã hội và giới lên các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định được tác động xã hội và giới lên các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác nhưng chưa đầy đủ. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ có xác định được đầy đủ tác động xã hội và giới lên các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan khác.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
7.	CÂU HỎI 7: TRONG MỖI CHÍNH SÁCH, BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ GIẢI PHÁP GIỮ NGUYÊN HIỆN TRẠNG HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: KHÔNG ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, trong số các giải pháp đề xuất bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng để có thể so sánh với các giải pháp khác. - “Không” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không có giải pháp giữ nguyên hiện trạng ở bất kỳ chính sách nào hoặc có phần giải pháp giữ nguyên hiện

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	trạng nhưng lại không có phân tích hoặc đủ thông tin để so sánh với các giải pháp khác. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có một số chính sách có phân tích giải pháp giữ nguyên hiện trạng để có thể so sánh với các giải pháp khác. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có tất cả các chính sách đều có giải pháp giữ nguyên hiện trạng để có thể so sánh với các giải pháp khác.
	Nếu KHÔNG hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
8.	CÂU HỎI 8: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHÙ HỢP VỚI MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 3, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung thứ ba trong phần ĐGTĐCS là Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề. <u>Gợi ý:</u> Giải pháp thực hiện chính sách là các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề thực tiễn theo mục tiêu đã xác định. Giải pháp phải phù hợp, cân xứng với vấn đề về quy mô, phạm vi, đối tượng tác động, khắc phục được trúng và đúng các nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp gây ra vấn đề (bao gồm cả vấn đề giới hoặc khía cạnh giới của vấn đề cần giải quyết). Đồng thời giải pháp phải hiệu quả nghĩa là đạt được mục tiêu đặt ra với chi phí hợp lý, khả thi đối với các đối tượng phải thực hiện, tuân thủ. Lưu ý rằng việc ban hành VBQPPL chứa chính sách là một trong các công cụ, giải pháp quan trọng nhưng không phải là duy nhất. Có những công cụ chính

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	sách bắt buộc phải thể hiện bằng hình thức VBQPPL nhưng cũng có những công cụ thực hiện không phải bằng VBQPPL¹¹. Một số câu hỏi, vấn đề thường được đưa ra để xác định các giải pháp là: Nhà nước có cần can thiệp để giải quyết vấn đề không? Có cần ban hành VBQPPL không hay nên sử dụng các biện pháp thay thế (như tăng cường chiến lược truyền thông, đơn giản hoá thủ tục, quy trình, đảm bảo nguồn lực cần thiết cho hoạt động thực thi pháp luật...)?¹² - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa có giải pháp nào phù hợp với mục tiêu của chính sách. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có một số giải pháp đặt ra phù hợp với mục tiêu của chính sách nhưng có một số chính sách thì không có giải pháp phù hợp. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có tất cả các chính sách đều có các giải pháp được kiến nghị phù hợp với mục tiêu.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
9.	CÂU HỎI 9: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH CỦA TỪNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS yêu cầu ĐGTĐCS của giải pháp đề xuất phải làm rõ tác động tích cực, tiêu cực, lợi ích, chi phí của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp.

¹¹ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 9

¹² Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới, các trang 30, 31

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<u>Gợi ý:</u> Báo cáo cần phải chỉ ra tác động tích cực (trong ĐGTD về kinh tế là lợi ích), tác động tiêu cực (trong ĐGTD về kinh tế là chi phí) trên tất cả các khía cạnh ĐGTĐCS, bao gồm cả tác động về giới và TTHC, nếu có. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không xác định tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích của bất kỳ giải pháp chính sách nào. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích của một số giải pháp và/hoặc chỉ xác định cho một số chính sách nhưng không toàn bộ hoặc có xác định được tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích của tất cả các giải pháp và cho tất cả các chính sách nhưng thiếu phân tích tác động về giới. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có xác định tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích của tất cả các giải pháp và cho tất cả các chính sách và có phân tích tác động về giới.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
10.	CÂU HỎI 10: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ SO SÁNH TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH GIỮA CÁC GIẢI PHÁP KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS yêu cầu việc kiến nghị lựa chọn giải pháp phải thực hiện trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp. <u>Gợi ý:</u> Việc so sánh cần được thực hiện trên tất cả các khía cạnh được ĐGTĐCS, trong đó có so sánh tác động về xã hội và tác động về giới, nếu có. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không so sánh tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích giữa các giải pháp của bất kỳ chính sách nào.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	- “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có so sánh tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích giữa các giải pháp của một số giải pháp hoặc một số chính sách nhưng không toàn bộ. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS so sánh tác động tích cực và tiêu cực, chi phí và lợi ích giữa các giải pháp của tất cả các chính sách.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
11.	CÂU HỎI 11: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC KIẾN NGHỊ LỰA CHỌN TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHẢI LÀ CÁC GIẢI PHÁP TỐI ƯU ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Kiến nghị giải pháp lựa chọn là nội dung cuối cùng trong phần ĐGTĐCS theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS. <u>Gợi ý:</u> Giải pháp được coi là tối ưu khi đây là giải pháp hợp lý, khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết được vấn đề thực tiễn, đạt được mục tiêu chính sách. Tính khả thi của giải pháp có thể xem xét ở một số khía cạnh như về nội dung hoạt động, nguồn lực, phương pháp thực hiện, công nghệ và hệ thống, khả thi về lịch trình thực hiện, các điều kiện về thực thi, giám sát, đánh giá...¹³. Phương án tối ưu nhất là phương án được cân nhắc trên cơ sở tổng hợp các phân tích, đánh giá trên cả 05 khía cạnh ĐGTĐCS, bao gồm cả tác động về giới và TTHC, nếu có. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS kiến nghị lựa chọn các giải pháp nhưng không có giải pháp nào được đánh giá là tối ưu và/hoặc các giải pháp được kiến nghị lựa chọn còn có tác động tiêu cực về giới.

¹³ Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTD xã hội và giới, trang 55

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	- “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS kiến nghị lựa chọn các giải pháp nhưng có giải pháp được đánh giá là tối ưu và có giải pháp không được đánh giá tối ưu và/hoặc một số giải pháp được kiến nghị lựa chọn còn có tác động tiêu cực về giới. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS kiến nghị lựa chọn các giải pháp và tất cả đều được đánh giá là tối ưu, bảo đảm hạn chế các tác động tiêu cực về giới.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
12.	CÂU HỎI 12: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ SAI THẨM QUYỀN ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Khoản 5, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Theo Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung Kiến nghị giải pháp lựa chọn trong mỗi chính sách phải bao gồm nội dung về xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề. <u>Gợi ý:</u> Thẩm quyền ban hành chính sách phải phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPL, cụ thể là Chương II - Thẩm quyền ban hành, nội dung văn bản quy phạm pháp luật. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa xác định thẩm quyền ban hành chính sách. - “Sai thẩm quyền” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định thẩm quyền nhưng sai so với quy định của Luật BHVBQPPL. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã xác định đúng thẩm quyền theo quy định của Luật BHVBQPPL.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	Nếu CHƯA hoặc SAI THẨM QUYỀN, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
13.	CÂU HỎI 13: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điều 7, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính; trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do. Theo đó, có thể hiểu rằng phương pháp định lượng cần được ưu tiên áp dụng trong Báo cáo ĐGTĐCS. <u>Gợi ý:</u> Phương pháp nghiên cứu định lượng là một phương pháp thu thập, xử lý và diễn giải thông tin để phục vụ mục đích nghiên cứu. Trong đó, các dữ liệu được thu thập (dữ liệu định lượng) được thể hiện dưới dạng cứng là các con số, được thu thập từ một số phương thức như thực nghiệm, khảo sát, phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu số liệu thống kê sẵn có... Với mục đích khẳng định/phủ định một vấn đề hoặc nghiên cứu hệ quả của hiện tượng, nghiên cứu định lượng yêu cầu số lượng đối tượng nghiên cứu lớn với khung phân tích, mẫu câu hỏi mang tính cố định. Từ đó, kết quả nghiên cứu mang tính khách quan, khái quát và đại diện cao. Xem thêm Phụ lục I – Bảng so sánh phương pháp định lượng và định tính của Tài liệu này và phần VI - Phương pháp thu thập dữ liệu của cuốn Sổ tay ĐGTD xã hội và giới¹⁴ để hình dung rõ hơn về phương pháp định lượng. - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không sử dụng phương pháp định lượng để phân tích vấn đề. Báo cáo có thể có số liệu nhưng số liệu đó lại không được phân tích. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã có sử dụng số liệu để phân tích vấn đề nhưng thiếu tính khẳng định hoặc số liệu không có căn cứ hoặc

¹⁴ Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTD xã hội và giới, trang 19

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	chỉ áp dụng phương pháp định lượng trong một số chính sách mà không phải là toàn bộ các chính sách được ĐGTD. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã áp dụng phương pháp định lượng với số liệu có cơ sở và phân tích rõ ràng cho tất cả các chính sách được ĐGTD. Có thể có chính sách chỉ sử dụng phương pháp định tính thay thế phương pháp định lượng nhưng đã nêu phân tích rõ được nguyên nhân, sự kiện, hiện tượng.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
14.	CÂU HỎI 14: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điều 7, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính; trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do. <u>Gợi ý:</u> Phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm thu thập dữ liệu dạng mềm (từ, câu, hình ảnh, ký hiệu,...) bằng một số phương thức như quan sát đối tượng, phỏng vấn sâu... Với mục tiêu chính là lý giải sâu về sự kiện, hiện tượng, dữ liệu thu thập chủ yếu là góc nhìn, quan điểm chủ quan và mang tính đặc thù của đối tượng nghiên cứu. So với nghiên cứu định lượng, số lượng đối tượng nghiên cứu định tính tương đối nhỏ. Ngoài ra, mẫu câu hỏi nghiên cứu có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu và hoàn cảnh cụ thể.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	Xem thêm Phụ lục I – Bảng so sánh phương pháp định lượng và định tính của Tài liệu này và phần VI - Phương pháp thu thập dữ liệu của cuốn Sổ tay ĐGTD xã hội và giới¹⁵ để hình dung rõ hơn về phương pháp định tính. Thực tế, cần lưu ý trong ĐGTĐCS về xã hội, phương pháp định tính có xu hướng được áp dụng phổ biến hơn định lượng. Nhưng nếu các vấn đề có số liệu có thể giúp ích cho phân tích định lượng thì nên thực hiện phân tích định lượng để dễ minh họa cho vấn đề được đánh giá.¹⁶ - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không sử dụng phương pháp định tính để phân tích vấn đề. Báo cáo có thể có trình bày nguyên nhân, vấn đề nhưng thiếu lý giải, lập luận để có thể giải thích được nguyên nhân, sự kiện, hiện tượng.... - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã phân tích được nguyên nhân, sự kiện, hiện tượng nhưng có thể chưa được rõ ràng. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã áp dụng phương pháp định tính có cơ sở và phân tích rõ ràng cho tất cả các chính sách được ĐGTĐ. Có thể có chính sách chỉ sử dụng phương pháp định lượng thay thế phương pháp định tính nhưng đã nêu phân tích rõ được nguyên nhân, sự kiện, hiện tượng.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
15.	CÂU HỎI 15: THÔNG TIN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ CHÍNH XÁC, TRUNG THỰC HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐

¹⁵ Bộ LĐTBXH, Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới, trang 19

¹⁶ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 66

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điều 9, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định thông tin được sử dụng khi xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải chính xác, trung thực. <u>Gợi ý:</u> Thông tin chính xác, trung thực có thể kiểm chứng qua việc đối chiếu lại với thông tin trong nguồn dữ liệu gốc được trích dẫn hay qua các nguồn thông tin khác có thể kiểm chứng được. - “Chưa” là trường hợp thông tin trong Báo cáo ĐGTĐCS được xác định là không chính xác, không trung thực, hoặc thiếu nguồn dẫn chứng để kiểm chứng. - “Tương đối” là trường hợp thông tin trong Báo cáo ĐGTĐCS được xác định là có tính hợp lý, có nguồn dẫn chứng nhưng nguồn dẫn chứng không đủ độ tin cậy để bảo đảm tính chính xác, trung thực của thông tin, ví dụ: những nguồn dẫn chứng này không phải từ các nguồn số liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức có uy tín, tạp chí khoa học tin cậy... - “Đạt yêu cầu” là trường hợp thông tin trong Báo cáo ĐGTĐCS có nguồn dẫn chứng hợp lệ, khoa học để kiểm chứng tính chính xác, trung thực của thông tin.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI chất lượng thông tin, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
16.	CÂU HỎI 16: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TRÍCH DẪN ĐẦY ĐỦ CÁC NGUỒN THÔNG TIN?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điều 9, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định thông tin được sử dụng khi xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải ghi rõ nguồn thông tin. <u>Gợi ý:</u> Về nguyên tắc, bất kỳ thông tin về thực tiễn hay số liệu trong Báo cáo ĐGTĐCS mà lấy từ nguồn khác (ngoài chính Báo cáo) đều phải trích dẫn nguồn thông tin. Trong một Báo cáo ĐGTĐCS, việc trích dẫn nguồn thông tin để đảm bảo tính chính xác,

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	trung thực và tính đáng tin cậy của Báo cáo là rất cần thiết. Các nội dung thường được trích dẫn nguồn thông tin trong các Báo cáo ĐGTĐCS có thể kể tới như các số liệu phục vụ tính toán chi phí – lợi ích, chi phí tuân thủ TTHC, hay các nhận định của chuyên gia, hoặc phần mô tả thực trạng, hệ quả của vấn đề cần giải quyết... - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ không có trích dẫn nguồn thông tin. - “Tương đối” là trường hợp chỉ có một số thông tin thực tiễn hay số liệu nêu trong Báo cáo ĐGTĐ có trích nguồn dẫn chứng. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp các thông tin thực tiễn hay số liệu trong Báo cáo ĐGTĐ có trích dẫn nguồn dẫn chứng hợp lệ. Tham khảo một số nguồn thông tin hữu ích và đáng tin cậy tại Phụ lục 5 - Danh mục nguồn thông tin hữu ích cho đánh giá tác động chính sách của cuốn Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới và Phụ lục 3 - Danh mục nguồn thông tin hữu ích cho ĐGTĐCS của Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao: Khuyến nghị:
17.	CÂU HỎI 17: ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HAY DỰ THẢO VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CÓ ☐ KHÔNG ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điểm b, khoản 1, Điều 8, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo ĐGTĐCS; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo. Theo đó, đối với các trường hợp lập đề nghị xây dựng VBQPPL (7 văn bản thuộc Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn lập đề nghị được liệt kê tại mục A trong phần Cơ sở pháp lý của Câu hỏi 1), bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo ĐGTĐ.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<u>Gợi ý:</u> Với các trường hợp thuộc Nhóm các văn bản phải ĐGTĐCS trong giai đoạn soạn thảo (mục B trong phần Cơ sở pháp lý của Câu hỏi 1), mặc dù không bắt buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS, trên thực tế các cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn thực hiện việc lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS, trừ trường hợp đặc biệt khi ĐGTĐCS đối với chính sách được đề xuất mới¹⁷ (do thời hạn xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS trong trường hợp này là 10 ngày và quá ngắn để thực hiện việc lấy ý kiến đối với Dự thảo). - “Có” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo báo cáo ĐGTĐ. - “Không” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo báo cáo ĐGTĐ.
	Nếu CÓ hoặc KHÔNG, nêu căn cứ: Khuyến nghị:
18.	CÂU HỎI 18: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NỘI DUNG VỀ VIỆC DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS ĐÃ ĐƯỢC LẤY Ý KIẾN THAM VẤN CHƯA?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Mục III của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS đưa ra nội dung về việc lấy ý kiến tham vấn như sau: Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách (mô tả phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý). <u>Gợi ý:</u>

¹⁷ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Điều 31; Nghị định 154/2020/NĐ-CP, Điều 1, khoản 9. Theo đó, trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách phải ĐGTĐ của chính sách mới. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đề xuất chính sách mới, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS đối với chính sách mới đó.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	- “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS không thực hiện việc lấy ý kiến tham vấn. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chỉ mới thực hiện chưa đủ các nội dung của hoạt động lấy ý kiến, bao gồm lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào báo cáo ĐGTĐ. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS đã thực hiện đầy đủ các nội dung của hoạt động lấy ý kiến, bao gồm lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào báo cáo ĐGTĐ.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ: Khuyến nghị:
19.	CÂU HỎI 19: PHƯƠNG PHÁP LẤY Ý KIẾN, PHẢN HỒI, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐƯỢC MÔ TẢ CÓ PHÙ HỢP HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CHƯA ☐ TƯƠNG ĐỐI ☐ ĐẠT YÊU CẦU ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Mục III của Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS đưa ra nội dung về việc lấy ý kiến tham vấn như sau: Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách (mô tả phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý). <u>Gợi ý:</u> Phương pháp lấy ý kiến phải phù hợp với đối tượng (thường là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, cán bộ quản lý nhà nước, chuyên gia, các tổ chức xã hội), địa bàn (theo khu vực địa lý, mức độ phát triển kinh tế, đa dạng văn hoá...), bối cảnh kinh tế - xã hội (như dịch bệnh)... Nội dung tham vấn phải rõ ràng, gắn liền với các chính sách đang được đánh giá. Lưu ý không tham vấn quá nhiều nội dung với một/một nhóm đối tượng. Việc tham vấn có thể được tổ chức dưới một hay kết hợp nhiều hình thức khác nhau, như: khảo sát ý kiến bằng bảng hỏi gửi trực tiếp hoặc trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp đối tượng, hội nghị tham vấn trong quá trình ĐGTĐCS. Hình thức tổ chức lấy ý kiến thông qua việc công bố dự thảo báo cáo ĐGTĐCS trên trang thông tin điện tử

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	(website) của cơ quan đề xuất chính sách, đơn vị thực hiện ĐGTĐCS hoặc gửi dự thảo tới trực tiếp đối tượng cần lấy ý kiến...¹⁸ - “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ chưa mô tả phương pháp lấy ý kiến tham vấn. - “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ đã có mô tả nhưng chưa mô tả đủ các nội dung của hoạt động lấy ý kiến tham vấn đối với BCDGTĐ, bao gồm lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào báo cáo ĐGTĐ. - “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐ đã có mô tả đầy đủ các nội dung của hoạt động lấy ý kiến tham vấn đối với BCDGTĐ, bao gồm lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào báo cáo ĐGTĐ.
	Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ: Khuyến nghị:
20.	CÂU HỎI 20: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TUÂN THỦ THEO MẪU BÁO CÁO ĐGTĐCS THEO QUY ĐỊNH HAY KHÔNG?
	ĐÁNH GIÁ: CÓ ☐ KHÔNG ☐
	<u>Cơ sở pháp lý:</u> Điểm a, khoản 1, Điều 8 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Lưu ý rằng Phụ lục V (bao gồm cả Mẫu số 01) của Nghị định 34/2016/NĐ-CP đã được thay thế bởi Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP. <u>Gợi ý:</u> Điểm khác biệt lớn nhất giữa Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP so với Nghị định 34/2016/NĐ-CP là việc yêu cầu Báo cáo ĐGTĐCS phải được ký, đóng dấu bởi cơ quan, tổ chức lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo.

¹⁸ Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn ĐGTĐCS, trang 78. Xem thêm Chương 4 - Lấy ý kiến trong quá trình đánh giá tác động của Tài liệu hướng dẫn này để hiểu rõ hơn về phương pháp lấy ý kiến đối với dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS.

STT	NỘI DUNG KIỂM TRA
	<i>Yêu cầu này nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc chuẩn bị, xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS.</i>
	Nếu CÓ hoặc KHÔNG, nêu căn cứ: Khuyến nghị:

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ DÀNH CHO ĐƠN VỊ SOẠN THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS

Phần này tổng hợp lại các vấn đề tồn tại của Báo cáo ĐGTĐCS và đưa ra đề xuất và khuyến nghị cho đơn vị phụ trách ĐGTĐCS nhằm hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC I – BẢNG SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH

STT	Tiêu chí	Phương pháp nghiên cứu định lượng (NCĐL)	Phương pháp nghiên cứu định tính (NCĐT)
1.	Quản thể và lấy mẫu (Population and sampling)¹⁹	Yêu cầu số lượng mẫu nghiên cứu lớn. Các đối tượng nghiên cứu có thể được chọn lựa ngẫu nhiên.	Số lượng mẫu nghiên cứu thường ít hơn. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn có chủ đích.
2.	Thu thập dữ liệu (Data collection)²⁰	Sử dụng một số phương thức bao gồm: thực nghiệm (experiment), khảo sát (survey), các hình thức phi tương tác (nonreactive), gồm: phân tích nội dung (content analysis), phân tích dữ liệu thứ cấp (secondary analysis), nghiên cứu số liệu thống kê sẵn có (existing statistics). Thường được thực hiện theo khung phân tích, mẫu câu hỏi cố định.	Sử dụng một số phương thức bao gồm: khảo sát thực địa (field research), gồm: nghiên cứu dân tộc học (ethnographic research), quan sát đối tượng (participant observation), và phỏng vấn sâu (depth interviewing); nghiên cứu lịch sử so sánh (historical-comparative research). Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu dựa trên quan sát và phỏng vấn sâu, có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu và hoàn cảnh cụ thể.
3.	Đặc tính dữ liệu²¹	Là dữ liệu cứng (hard data) dạng số.	Là dữ liệu mềm (soft data), bao gồm: từ, câu, ảnh, ký hiệu,... và tương đối chi tiết, phong phú và phức tạp (mức độ tùy vào từng nghiên cứu).

¹⁹ Sonyel Oflazoğlu (2017), *So sánh nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng (Qualitative versus Quantitative Research)*, Chương 1 – So sánh phương pháp định tính và phương pháp định lượng: ví dụ tại nhà hàng Oba (Qualitative Method Versus Quantitative Method in Marketing Research: An Application Example at Oba Restaurant), Sự khác biệt giữa phương pháp định tính và phương pháp định lượng trong các bước tại từng phương pháp (Differences between qualitative and quantitative methods in the steps following the choice of method)

²⁰ PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa – Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP HCM (2014), *Phương pháp nghiên cứu luật học*, Chương 4 – Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội trong nghiên cứu pháp luật, trang 84 – 87

Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu (Preface)

W. Lawrence Neuman (2014), *Các phương pháp nghiên cứu xã hội: phương thức định lượng và định tính (Social Research Methods: Qualitative and Quantitative Approaches)*, trang 46 – 53

²¹ W. Lawrence Neuman (2014), sđd, trang 167

Sonyel Oflazoğlu (2017), sđd, Lời nói đầu (Preface)

STT	Tiêu chí	Phương pháp nghiên cứu định lượng (NCĐL)	Phương pháp nghiên cứu định tính (NCĐT)
4.	Đặc điểm phương pháp ²²	NCĐL chủ yếu dựa vào các nguyên tắc thực chứng, nhấn mạnh vào tính chính xác của các biến số để kiểm định giả thuyết.	NCĐT chủ yếu được thực hiện dựa vào việc dẫn giải hoặc phê bình với trọng tâm là tiến hành nghiên cứu các trường hợp đặc thù phát sinh trong đời sống xã hội.
5.	Mục đích tiến hành ²³	NCĐL tập trung vào đánh giá, khẳng định hoặc phủ định một giả thuyết có sẵn cũng như vào hệ quả/hậu quả mang tính phổ biến.	NCĐT được thực hiện nhằm phân tích sâu và lý giải về hiện tượng, sự việc bằng cách thu thập góc nhìn, quan điểm, kinh nghiệm của đối tượng nghiên cứu.
6.	Phân tích và diễn giải số liệu (Data analysis and interpretation) ²⁴	Sử dụng các phương pháp tính toán thống kê (ví dụ: phần mềm thống kê khoa học xã hội (SPSS), mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)). Việc nghiên cứu thường dựa trên những giả thuyết có sẵn.	Sử dụng phương pháp trích dẫn và nêu ý nghĩa (ví dụ: phân tích nội dung mô tả (descriptive content analysis), phần mềm Nvivo). Việc phân tích vẫn giữ nguyên tính phức tạp và độc nhất của từng mẫu và cho phép vận dụng các giả thuyết được phát hiện trong quá trình phân tích và diễn giải.
7.	Kết quả và báo cáo ²⁵	Mang tính khái quát và đại diện cao. Có thể giúp dự báo tương lai và thường được trình bày dưới cách viết khách quan của người quan sát độc lập.	Mang tính chuyên sâu với mô tả chi tiết về hiện tượng được nghiên cứu trong phạm vi góc nhìn và quan điểm của đối tượng nghiên cứu, ít mang tính đại diện.

²² W. Lawrence Neuman (2014), *sổd*, trang 167 – 168

²³ PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), *sổd*, trang 84 – 87

W. Lawrence Neuman (2014), *sổd*, trang 168

Steven J. Taylor, Robert Bogdan, Marjorie L. DeVault (2016), *Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính: sách hướng dẫn và tài liệu tham khảo (Introduction to qualitative research methods: a guidebook and resource)*, trang 8

²⁴ Sonyel Oflazoğlu (2017), *sổd*, Lời nói đầu (Preface)

²⁵ Sonyel Oflazoğlu (2017), *sổd*, Lời nói đầu (Preface)

PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), *sổd*, trang 84 – 87

PHỤ LỤC II – CĂN CỨ XÂY DỰNG DANH MỤC KIỂM TRA

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2020;
3. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
4. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

PHỤ LỤC III – DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỂ THAM KHẢO

1. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động về giới;
2. Bộ Tư pháp, Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách. Tài liệu này có thể tìm được tại website của Bộ Tư pháp theo đường link: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=2639>.